

ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN ANH NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	12A 2	120457	209	9.00	40	36	4	0	0
2	Diệp Tường Bảo Ngọc	12A 2	120456	485	9.75	40	39	1	0	0
3	Nguyễn Chế Sapa	12A 2	120633	132	8.50	40	34	6	0	0
4	Võ Đạt	12A 4	120133	485	8.00	40	32	7	0	1
5	Trần Anh Khoa	12A 4	120327	132	9.00	40	36	4	0	0
6	Trần Đại Gia Phú	12A 4	120557	209	9.75	40	39	1	0	0
7	Hàn Minh Quân	12A 4	120597	132	9.00	40	36	4	0	0
8	Trần Anh Tài	12A 4	120638	209	10.00	40	40	0	0	0
9	Trần Chí Thành	12A 4	120716	132	10.00	40	40	0	0	0
10	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	12A 4	120821	485	9.75	40	39	1	0	0
11	Dương Ngọc Phương Uyên	12A 4	120885	357	9.25	40	37	3	0	0
12	Trần Tổng Trúc Vân	12A 4	120916	485	8.75	40	35	5	0	0
13	Nguyễn Anh Việt	12A 4	120925	209	10.00	40	40	0	0	0
14	Lê Khoa Trường Vũ	12A 4	120935	209	10.00	40	40	0	0	0
15	Ngô Hoài Nhã Vy	12A 4	120945	132	9.75	40	39	1	0	0
16	Lê Ngọc Phương Vy	12A 4	120944	485	9.25	40	37	3	0	0
17	Nguyễn Thanh Thiên Ý	12A 4	120966	357	8.50	40	34	6	0	0
18	Đặng Kiều Yên	12A 4	120978	132	9.75	40	39	1	0	0
19	Phạm Thu An	12C 5	120013	357	8.50	40	34	6	0	0
20	Phạm Quốc An	12C 5	120012	132	9.00	40	36	4	0	0
21	Huỳnh Nguyễn Băng Châu	12C 5	120077	485	8.75	40	35	5	0	0
22	Vũ Trần Vân Dung	12C 5	120099	485	7.50	40	30	10	0	0
23	Lê Đỗ Khánh Đăng	12C 5	120146	485	8.50	40	34	6	0	0
24	Kiều Huy Hoàng	12C 5	120229	357	9.25	40	37	3	0	0
25	Tô Ngọc Bích Hồng	12C 5	120232	357	8.00	40	32	8	0	0
26	Từ Minh Huy	12C 5	120260	357	7.75	40	31	9	0	0
27	Phạm Ngọc Huy	12C 5	120259	209	7.50	40	30	10	0	0
28	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	12C 5	120279	357	9.75	40	39	1	0	0
29	Trần Huy Khang	12C 5	120307	132	7.25	40	29	11	0	0
30	Đồng Ngọc Duy Khang	12C 5	120306	132	8.50	40	34	6	0	0
31	Nguyễn Thùy Linh	12C 5	120366	132	8.50	40	34	6	0	0
32	Lê Thị Thúy Mơ	12C 5	120398	485	8.50	40	34	6	0	0
33	Nguyễn Trà My	12C 5	120408	209	7.50	40	30	10	0	0
34	Nguyễn Hoàng Nam	12C 5	120418	132	7.00	40	28	12	0	0
35	Đỗ Diệp Thanh Ngân	12C 5	120445	132	7.00	40	28	12	0	0
36	Nguyễn Ngọc Trúc Nhi	12C 5	120511	209	9.25	40	37	3	0	0
37	Lê Mỹ Nhi	12C 5	120513	132	7.50	40	30	10	0	0
38	Trần Thị Xuân Nhi	12C 5	120512	485	5.25	40	21	19	0	0
39	Nguyễn Thị Hoài Phương	12C 5	120585	485	8.75	40	35	5	0	0
40	Hoàng Đăng Quang	12C 5	120596	357	6.00	40	24	16	0	0
41	Huỳnh Lưu Diệu Quyên	12C 5	120615	209	8.25	40	33	7	0	0
42	Nguyễn Ngọc Cát Tường	12C 5	120700	209	7.75	40	31	9	0	0
43	Lâm Ngọc Kim Thanh	12C 5	120713	485	9.50	40	38	2	0	0
44	Lê Minh Thư	12C 5	120786	209	8.25	40	33	7	0	0
45	Trương Kim Thư	12C 5	120787	485	8.00	40	32	8	0	0
46	Nguyễn Thị Ngọc Trang	12C 5	120814	209	8.50	40	34	6	0	0
47	Bùi Thị Thu Trang	12C 5	120812	485	8.50	40	34	6	0	0
48	Đào Thị Thùy Trang	12C 5	120813	132	7.50	40	30	10	0	0

49	Lê Nhật Phương	Trình	12C 5	120859	357	8.50	40	34	6	0	0
50	Nghiêm Thị Dương	Uyên	12C 5	120904	209	8.25	40	33	7	0	0
51	Vũ Ánh Ngọc	Uyên	12C 5	120905	357	8.75	40	35	5	0	0
52	Nguyễn Thanh	Bình	12C 6	120066	209	7.00	40	28	12	0	0
53	Đỗ Ngọc	Châu	12C 6	120078	485	8.25	40	33	7	0	0
54	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	12C 6	120092	357	8.75	40	35	5	0	0
55	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	12C 6	120116	132	8.75	40	35	5	0	0
56	Nguyễn Xuân	Đạt	12C 6	120144	485	8.50	40	34	6	0	0
57	Trình Hoàng Thanh	Hằng	12C 6	120184	209	8.25	40	33	6	0	1
58	Trần Thị Thu	Hiền	12C 6	120209	485	9.50	40	38	2	0	0
59	Trần Đình Dĩ	Khang	12C 6	120308	357	7.50	40	30	10	0	0
60	Nguyễn Võ Như	Lin	12C 6	120354	209	8.75	40	35	5	0	0
61	Lê Thị Phương	Linh	12C 6	120367	357	5.25	40	21	19	0	0
62	Lê Minh	Luân	12C 6	120380	209	9.25	40	37	3	0	0
63	Thân Triệu	Mẫn	12C 6	120392	132	9.00	40	36	4	0	0
64	Nguyễn Trang Lâm	Na	12C 6	120412	357	7.50	40	30	10	0	0
65	Nguyễn Hằng	Na	12C 6	120411	485	9.50	40	38	2	0	0
66	Lê Thị	Ngọc	12C 6	120466	209	7.00	40	28	12	0	0
67	Huỳnh Gia	Nguyên	12C 6	120488	132	9.75	40	39	1	0	0
68	Đỗ Yến	Nhi	12C 6	120515	485	7.75	40	31	9	0	0
69	Hoàng Thị Thùy	Phương	12C 6	120586	209	9.00	40	36	4	0	0
70	Trần Thị Kim	Thanh	12C 6	120714	209	9.75	40	39	1	0	0
71	Hứa Quốc	Thiện	12C 6	120737	357	6.25	40	25	15	0	0
72	Võ Thị Anh	Thơ	12C 6	120747	357	9.50	40	38	2	0	0
73	Lê Phước Anh	Thư	12C 6	120789	485	8.00	40	32	8	0	0
74	Đỗ Yến	Trang	12C 6	120815	132	8.75	40	35	5	0	0
75	Trần Thiện	Vinh	12C 6	120933	485	5.50	40	22	17	0	1
76	Nguyễn Phan Tường	Vy	12C 6	120954	357	9.50	40	38	2	0	0
77	Nguyễn Trần Nhật	Ý	12C 6	120974	357	7.25	40	29	11	0	0
78	Nguyễn Thùy	Trang	12C 7	120817	357	7.50	40	30	10	0	0
79	Nguyễn Ngọc Như	Ý	12C 7	120975	209	8.00	40	32	8	0	0
80	Nguyễn Ngọc Kim	Thư	12C10	120794	485	5.75	40	23	17	0	0

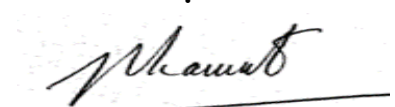
ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN SINH NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên		Lớp	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
1	Võ Trọng	Hiền	12A 2	120212	101	6.75	40	27	13	0	0
2	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	12A 2	120457	102	5.00	40	20	18	0	2
3	Diệp Tường Bảo	Ngọc	12A 2	120456	104	7.75	40	31	9	0	0
4	Nguyễn Chế	Sapa	12A 2	120633	101	5.25	40	21	18	0	1
5	Nguyễn Ngọc	Huy	12A 4	120241	102	7.75	40	31	9	0	0
6	Trần Anh	Khoa	12A 4	120327	101	8.25	40	33	7	0	0
7	Trần Đại Gia	Phú	12A 4	120557	103	8.00	40	32	8	0	0
8	Hàn Minh	Quân	12A 4	120597	101	7.50	40	30	10	0	0
9	Trần Anh	Tài	12A 4	120638	102	7.75	40	31	9	0	0
10	Trần Chí	Thành	12A 4	120716	101	8.00	40	32	8	0	0
11	Nguyễn Hoàng Minh	Thì	12A 4	120730	102	8.00	40	32	8	0	0
12	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12A 4	120821	101	7.00	40	28	12	0	0
13	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	12A 4	120835	104	8.50	40	34	6	0	0
14	Dương Ngọc Phương	Uyên	12A 4	120885	103	7.25	40	29	11	0	0
15	Trần Tổng Trúc	Vân	12A 4	120916	104	7.00	40	28	12	0	0
16	Nguyễn Anh	Việt	12A 4	120925	102	8.25	40	33	7	0	0

17	Lê Khoa Trường	Vũ	12A 4	120935	103	8.50	40	34	6	0	0
18	Lê Ngọc Phương	Vy	12A 4	120944	101	6.50	40	26	14	0	0
19	Ngô Hoài Nhã	Vy	12A 4	120945	101	8.25	40	33	7	0	0
20	Đặng Kiều	Yến	12A 4	120978	102	7.25	40	29	11	0	0
21	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12A 6	120461	102	7.75	40	31	9	0	0
22	Lương Hoàng	Thịnh	12A11	120740	000		40				
23	Lê Ngọc Như	Ý	12A11	120968	000		40				
24	Nguyễn Vũ Đăng	Quang	12A12	120595	000		40				
25	Phan Thị Thái	Châu	12C 2	120076	103	8.50	40	34	6	0	0
26	Trần Anh	Thư	12C 2	120780	102	8.25	40	33	7	0	0
27	Phạm Quốc	An	12C 5	120012	101	6.50	40	26	14	0	0
28	Phạm Thu	An	12C 5	120013	103	7.25	40	29	11	0	0
29	Huỳnh Nguyễn Băng	Châu	12C 5	120077	104	6.25	40	25	15	0	0
30	Lê Đỗ Khánh	Đăng	12C 5	120146	104	6.75	40	27	13	0	0
31	Kiều Huy	Hoàng	12C 5	120229	103	7.75	40	31	9	0	0
32	Tô Ngọc Bích	Hồng	12C 5	120232	103	8.00	40	32	8	0	0
33	Phạm Ngọc	Huy	12C 5	120259	102	4.75	40	19	21	0	0
34	Từ Minh	Huy	12C 5	120260	103	6.75	40	27	13	0	0
35	Trần Huy	Khang	12C 5	120307	101	5.25	40	21	19	0	0
36	Đồng Ngọc Duy	Khang	12C 5	120306	101	8.75	40	35	5	0	0
37	Nguyễn Thùy	Linh	12C 5	120366	101	6.00	40	24	16	0	0
38	Lê Thị Thúy	Mơ	12C 5	120398	104	6.75	40	27	13	0	0
39	Nguyễn Trà	My	12C 5	120408	102	8.00	40	32	8	0	0
40	Nguyễn Hoàng	Nam	12C 5	120418	101	4.00	40	16	24	0	0
41	Đỗ Diệp Thanh	Ngân	12C 5	120445	101	6.75	40	27	12	0	1
42	Đinh Khánh	Ngọc	12C 5	120465	102	7.50	40	30	10	0	0
43	Trần Thị Xuân	Nhi	12C 5	120512	104	7.75	40	31	9	0	0
44	Nguyễn Ngọc Trúc	Nhi	12C 5	120511	102	7.50	40	30	9	0	1
45	Lê Mỹ	Nhi	12C 5	120513	101	7.50	40	30	10	0	0
46	Nguyễn Thị Hoài	Phương	12C 5	120585	104	8.00	40	32	8	0	0
47	Hoàng Đăng	Quang	12C 5	120596	103	5.50	40	22	18	0	0
48	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	12C 5	120700	102	6.25	40	25	15	0	0
49	Lâm Ngọc Kim	Thanh	12C 5	120713	104	7.50	40	30	10	0	0
50	Lê Minh	Thư	12C 5	120786	102	7.00	40	28	12	0	0
51	Trương Kim	Thư	12C 5	120787	104	5.75	40	23	15	1	2
52	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	12C 5	120814	102	7.25	40	29	11	0	0
53	Bùi Thị Thu	Trang	12C 5	120812	104	6.25	40	25	15	1	0
54	Lê Nhật Phương	Trình	12C 5	120859	103	8.75	40	35	5	0	0

Phan Thiết, Ngày 10 tháng 03 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phạm Triệu